Cập nhật VIB – KHẢ QUAN

Ngày 03/11/2026

Cao Việt Hùng, CFA

(028) 7300 7000 (ext: 1049)

hungcv@acbs.com.vn

Báo cáo Cập nhật

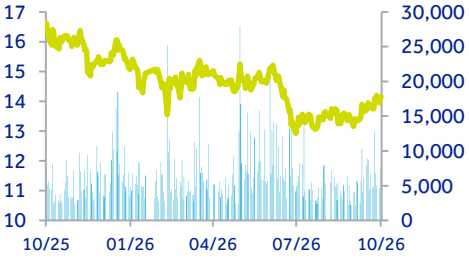
Khuyến nghị	**KHẢ QUAN**
	HOSE: VIB
	Ngân hàng
Giá mục tiêu (VND)	**16.000**
Giá hiện tại (VND)	**14.150**
Tỷ lệ tăng giá	+13,1%
Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng	4,9%
Tổng tỷ suất lợi nhuận	**+18,0%**

Diễn biến giá cổ phiếu (%)

	YTD	1T	3T	12T
Tuyệt đối	-7,9	7,6	7,6	-14,9
Tương đối	-6,9	8,4	2,5	-20,0

Nguồn: Bloomberg

Ngàn đồng **Biểu đồ giao dịch** *Ngàn cp*



Cơ cấu sở hữu

Chủ tịch HĐQT & liên quan	33,5%
TV HĐQT & liên quan	8,5%
Phó CT HĐQT & liên quan	5,7%
Vũ Huy Hoàng	4,6%
Hoàng Vân Anh	2,1%
PYN Elite Fund	2,1%
REE	2,0%
Vũ Hương Giang	1,7%

Thống kê

	03-11-26
Mã Bloomberg	**VIB VN**
Thấp/Cao 52 tuần (VND)	12.830-16.750
SL lưu hành (triệu cp)	3.735
Vốn hóa (tỷ đồng)	52.856
Vốn hóa (triệu USD)	2.031
Room khối ngoại còn lại (%)	1!1
Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%)	55!0
KLGD TB 3 tháng (cp)	5.330.741
VND/USD	26.020
Index: VNIndex / HNX	1766!65/259!86

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)

Chúng tôi hạ 4,6% giá mục tiêu 1 năm xuống 16.000 đồng/cp do (1) giảm P/E mục tiêu từ 7,0x xuống 6,5x do tăng trưởng lợi nhuận phục hồi chậm hơn dự báo trước và (2) hạ 3,6% dự phóng LNTT 2026F xuống 10.076 tỷ đồng (+10,7% svck) do chi phí dự phòng tăng, bù trừ một phần (3) chuyển thời điểm định giá sang 10/2027. 9T2026, LNTT đạt 7.592 tỷ đồng (+7,7% svck), hoàn thành 66% kế hoạch ĐHĐCĐ và 73% dự phóng của chúng tôi.

LNTT Q3/26 đạt 2.406 tỷ đồng, tăng 18,5% svck và 1,0% sv quý trước. Lợi nhuận trước dự phòng tăng 35% svck nhờ tổng thu nhập +21,8% svck và chi phí hoạt động giảm 1,3% svck (CIR còn 29,4%), nhưng phần lớn bị hấp thụ bởi chi phí dự phòng tăng 64% svck lên 1.899 tỷ đồng.

Tăng trưởng tín dụng cải thiện (+3,6% sv quý trước, +7,7% sv đầu năm), chủ yếu từ khách hàng doanh nghiệp (+8,5% sv quý trước); cho vay cá nhân chỉ tăng 1,0%. Chúng tôi giữ nguyên giả định tín dụng +12% cho 2026F và +15% cho 2027F.

NIM tăng lên 3,45% (+22 bps sv quý trước), cao nhất từ Q4/24, do lợi suất cho vay tái định giá nhanh hơn đà tăng đang chậm lại của lãi suất tiền gửi. Việc giảm lãi suất huy động 0,5% và lãi suất cho vay 1,5-2,0% theo chỉ đạo của NHNN gần như không tác động đến NIM do quy mô gói ưu đãi lãi vay hạn chế. **Chúng tôi dự phóng NIM 3,25% (đi ngang svck) năm 2026F và 3,39% (+14 bps svck) năm 2027F.**

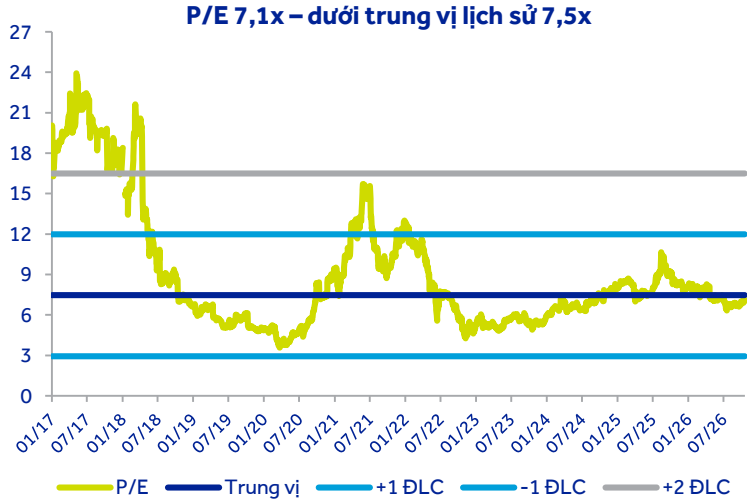
Thu nhập ngoài lãi tăng 58% svck lên 1.320 tỷ đồng nhờ lãi thuần dịch vụ gấp đôi cùng kỳ, nhờ banca +70% svck và thu hồi nợ đã xử lý +61% svck. Kinh doanh ngoại hối vẫn lỗ 368 tỷ đồng, chủ yếu từ chi phí hoán đổi tiền tệ đi kèm vay ngoại tệ; khoản lỗ này có tính lặp lại nên chúng tôi giả định lỗ ngoại hối 2027F ở mức 1.200 tỷ đồng.

Chất lượng tài sản xấu đi. Nợ chuyển quá hạn tăng lên 1,06%/quý, gấp đôi trung bình lịch sử, đẩy nợ xấu lên 3,20% và nợ nhóm 2 lên 2,79%; bao phủ nợ xấu giảm còn 41,8%. **Chúng tôi nâng giả định chi phí tín dụng từ 1,3% lên 1,5% cho cả 2026F và 2027F.**

Chúng tôi giảm **P/E mục tiêu từ 7,0x xuống 6,5x** do tăng trưởng lợi nhuận phục hồi chậm hơn dự báo trước đó, theo đó giá mục tiêu 1 năm là **16.000 đồng/cp**.

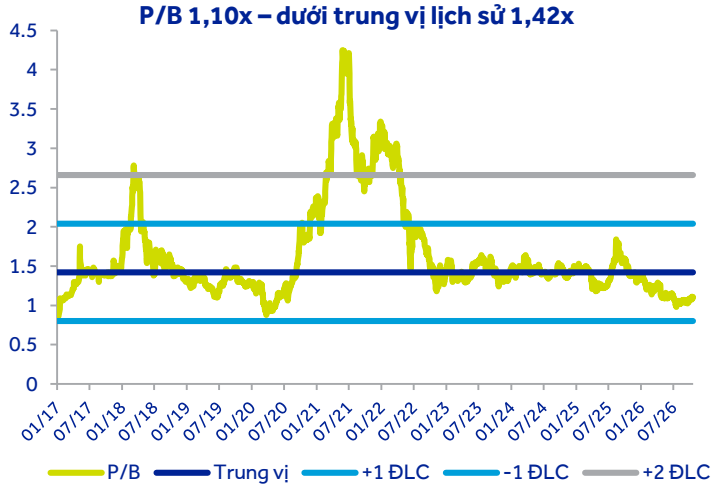
(Đơn vị: tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tăng trưởng tín dụng	14,5%	14,2%	21,5%	17,7%	12,0%	15,0%
NIM	4,93%	5,29%	3,95%	3,24%	3,25%	3,39%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi	17,1%	16,6%	18,6%	19,6%	22,6%	20,5%
Tăng trưởng tổng thu nhập	21,3%	22,7%	-7,2%	-2,7%	16,8%	15,6%
CIR	34,3%	29,8%	35,1%	37,2%	30,9%	29,4%
Chi phí tín dụng (%)	0,58%	1,93%	1,47%	0,98%	1,50%	1,50%
LN trước thuế	10.581	10.704	9.004	9.105	10.076	12.172
Tăng trưởng	32,1%	1,2%	-15,9%	1,1%	10,7%	20,8%
LNST sau lợi ích CĐTS	8.469	8.563	7.204	7.285	8.063	9.740
LN thuộc về cổ đông	8.358	8.453	7.112	7.192	7.960	9.615
EPS điều chỉnh (VND)	2.238	2.263	1.904	1.925	2.131	2.574
BVPS (VND)	8.741	10.157	11.207	12.557	13.868	15.742
ROA	2,6%	2,3%	1,6%	1,4%	1,4%	1,5%
ROE	29,7%	24,3%	18,1%	16,4%	16,3%	17,6%
CAR (Basel 2)	12,8%	11,7%	11,9%	11,4%	11,2%	11,1%
P/E (x)	7,7	7,9	9,4	9,3	6,6	5,5
P/B (x)	2,0	1,8	1,6	1,4	1,0	0,9
Cổ tức (VND)	-	1.500	1.200	700	900	700
Tỷ suất cổ tức	0,0%	7,9%	6,4%	3,6%	5,8%	4,9%

P/E 7,1x – dưới trung vị lịch sử 7,5x



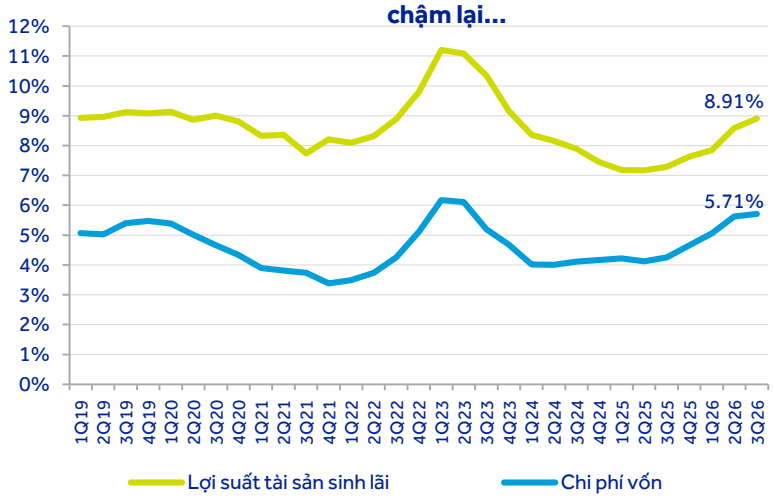
Nguồn: FiinPro-X, ACBS

P/B 1,10x – dưới trung vị lịch sử 1,42x



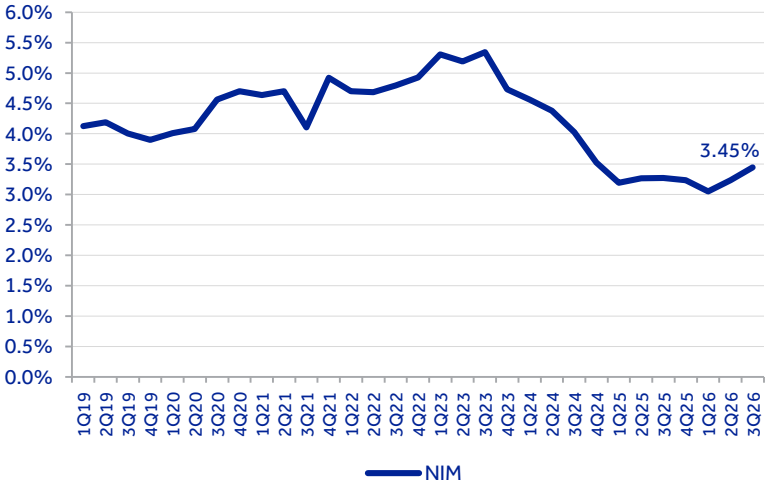
Nguồn: FiinPro-X, ACBS

Lợi suất tài sản tăng nhanh hơn, chi phí vốn tăng chậm lại...



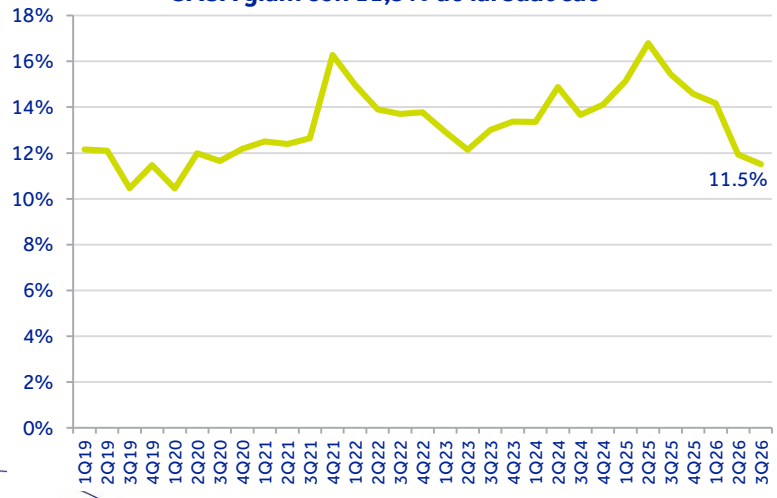
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

... đưa NIM lên 3,45%



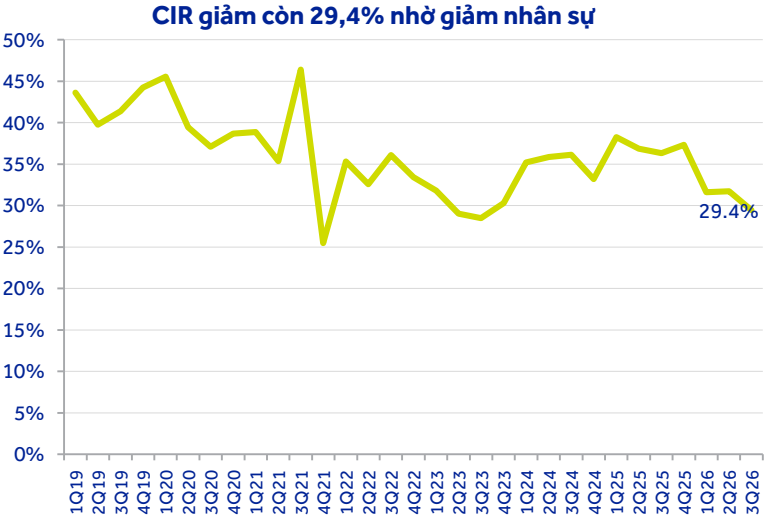
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

CASA giảm còn 11,5% do lãi suất cao



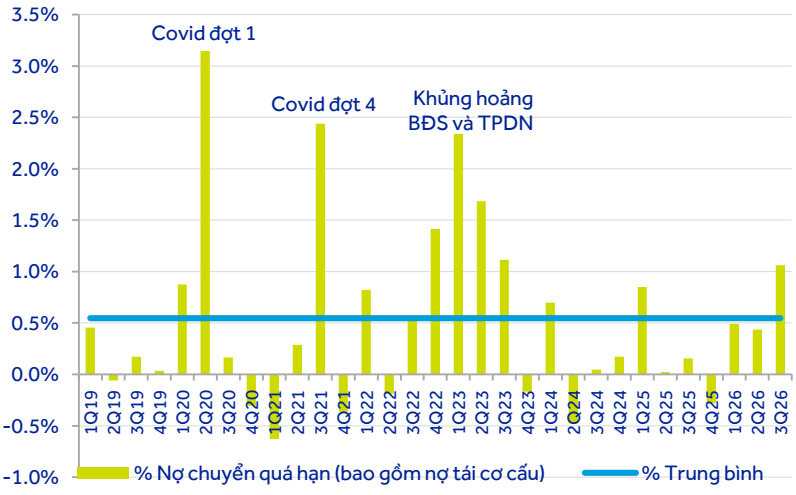
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

CIR giảm còn 29,4% nhờ giảm nhân sự



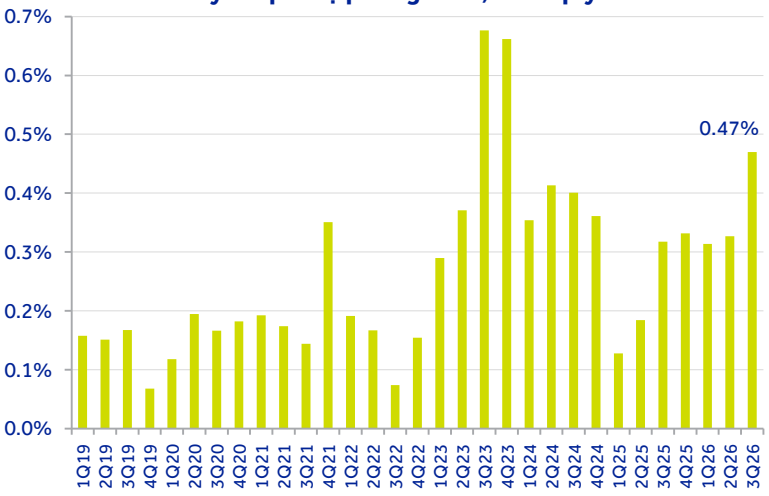
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Nợ chuyển quá hạn tăng vọt...



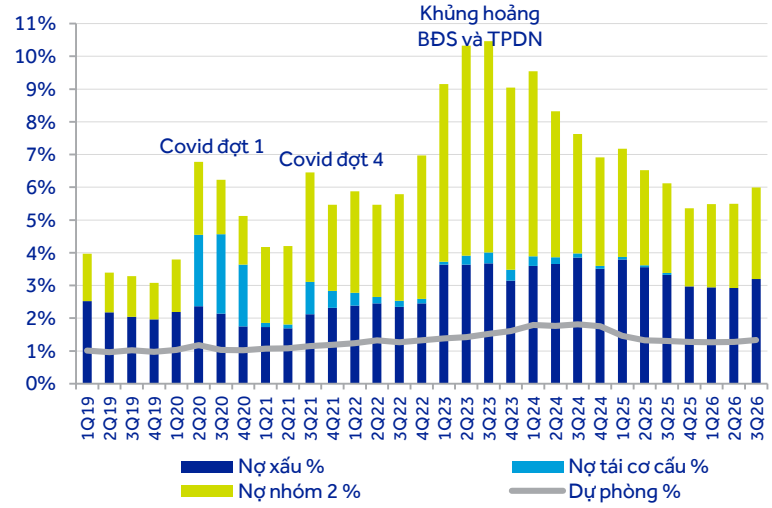
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

... đẩy chi phí dự phòng lên 0,47%/quý



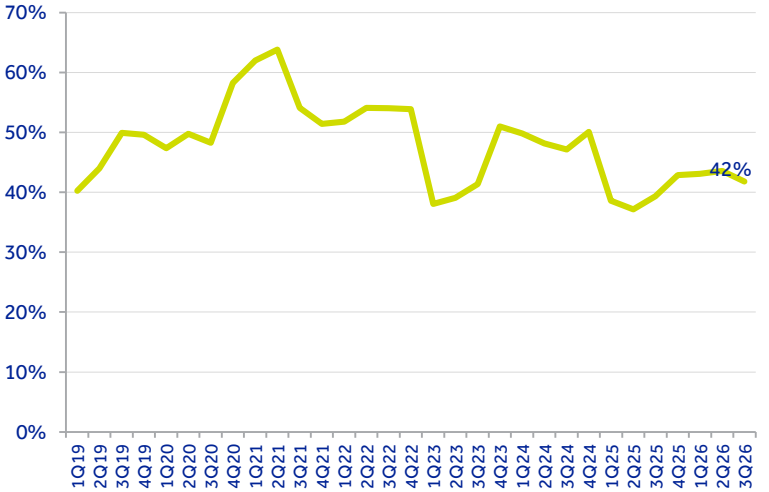
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Nợ xấu tăng lên 3,2%, nợ nhóm 2 lên 2,8%



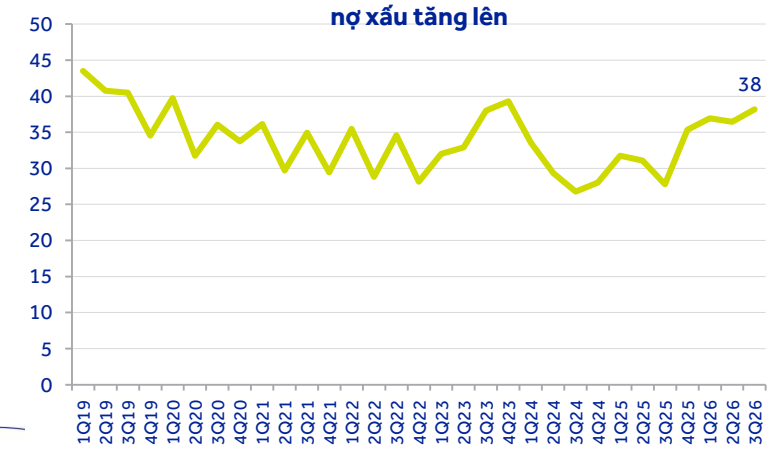
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Bao phủ nợ xấu giảm còn 41,8%



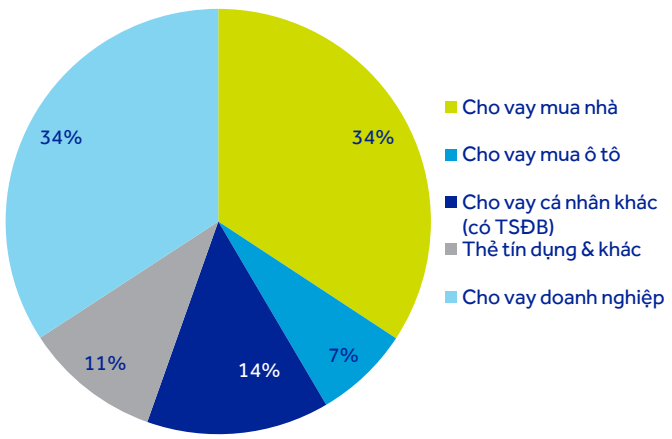
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Số ngày thu lãi tăng lên 38 ngày cho thấy áp lực nợ xấu tăng lên



Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Cơ cấu danh mục tín dụng Q2/26



Nguồn: VIB, ACBS ước tính

(Đơn vị: tỷ đồng, trừ khi chú thích khác)	Giá hiện tại (đồng):	14.150	Giá mục tiêu (đồng):	16.000	Vốn hóa (tỷ đồng):	52.856
KẾT QUẢ KINH DOANH	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	**2026F**	**2027F**
Thu nhập lãi thuần	14.963	18.484	16.750	16.092	18.086	21.459
Lợi nhuận từ dịch vụ	3.188	2.203	1.765	2.105	5.053	4.548
Lợi nhuận khác	(93)	1.473	2.053	1.809	223	997
Tổng thu nhập	**18.058**	**22.160**	**20.569**	**20.007**	**23.362**	**27.003**
Tăng trưởng (%)	21,3%	22,7%	-7,2%	-2,7%	16,8%	15,6%
Chi phí hoạt động	(6.197)	(6.611)	(7.211)	(7.435)	(7.212)	(7.933)
LN trước dự phòng	**11.861**	**15.550**	**13.358**	**12.572**	**16.150**	**19.070**
Chi phí dự phòng	(1.280)	(4.846)	(4.353)	(3.467)	(6.073)	(6.898)
LN trước thuế	**10.581**	**10.704**	**9.004**	**9.105**	**10.076**	**12.172**
Tăng trưởng (%)	32,1%	1,2%	-15,9%	1,1%	10,7%	20,8%
LN sau thuế (sau lợi ích CĐTS)	**8.469**	**8.563**	**7.204**	**7.285**	**8.063**	**9.740**
LN thuộc về cổ đông	**8.358**	**8.453**	**7.112**	**7.192**	**7.960**	**9.615**
EPS điều chỉnh (VND)	**2.238**	**2.263**	**1.904**	**1.925**	**2.131**	**2.574**
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	**2026F**	**2027F**
Dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)	233.816	267.113	324.602	381.972	427.809	491.980
Tăng trưởng (%)	14,5%	14,2%	21,5%	17,7%	12,0%	15,0%
Tiền gửi khách hàng	200.124	236.577	276.308	294.578	329.927	379.416
Tăng trưởng (%)	15,3%	18,2%	16,8%	6,6%	12,0%	15,0%
Tổng tài sản	**342.799**	**409.881**	**493.158**	**556.098**	**622.665**	**715.295**
Vốn chủ sở hữu	**32.651**	**37.940**	**41.862**	**46.905**	**51.801**	**58.801**
BVPS (VND)	8.741	10.157	11.207	12.557	13.868	15.742
CHỈ SỐ	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	**2026F**	**2027F**
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,5%	3,1%	3,5%	3,0%	3,0%	2,9%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	53,9%	51,0%	50,1%	42,9%	45,6%	44,6%
NIM (%)	4,9%	5,3%	3,9%	3,2%	3,2%	3,4%
CIR (%)	34,3%	29,8%	35,1%	37,2%	30,9%	29,4%
ROA (%)	2,6%	2,3%	1,6%	1,4%	1,4%	1,5%
ROE (%)	29,7%	24,3%	18,1%	16,4%	16,3%	17,6%
CAR Basel 2 (%)	12,8%	11,7%	11,9%	11,4%	11,2%	11,1%
P/E (x)	7,7	7,9	9,4	9,3	6,6	5,5
P/B (x)	2,0	1,8	1,6	1,4	1,0	0,9
Suất sinh lợi cổ tức (%)	0,0%	7,9%	6,4%	3,6%	5,8%	4,9%

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CÁC NGÂN HÀNG

(Đơn vị: tỷ đồng)

Mã CK	Sàn	Vốn hóa 30/10/26	Tổng tài sản Q3/26	Vốn chủ sở hữu Q3/26	Tỷ lệ nợ xấu Q3/26	Tỷ lệ nợ nhóm 2 Q3/26	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu Q3/26	ROA (TTM)	ROE (TTM)	CAR (Basel 2) 2025	P/E	P/B
BID	HOSE	259.793	3.493.271	203.020	1,8%	1,3%	75,9%	1,0%	18,6%	9,2%	7,9	1,4
CTG	HOSE	235.338	2.951.845	207.466	1,2%	1,1%	160,4%	1,5%	22,5%	9,9%	5,9	1,2
VCB	HOSE	470.425	2.682.409	253.761	0,7%	0,3%	243,2%	1,6%	17,6%	11,6%	11,3	1,9
MBB	HOSE	194.327	1.837.857	164.142	1,7%	1,3%	84,7%	2,0%	21,8%	11,0%	6,0	1,3
VPB	HOSE	229.500	1.610.787	200.078	3,1%	3,6%	54,0%	2,2%	17,0%	14,4%	7,4	1,2
TCB	HOSE	229.594	1.318.165	197.325	1,3%	0,9%	107,1%	2,4%	15,4%	14,6%	8,0	1,2
HDB	HOSE	145.754	1.142.906	94.304	2,8%	4,8%	50,0%	2,0%	23,3%	16,7%	7,5	1,7
ACB	HOSE	121.893	1.104.380	104.013	1,2%	0,9%	90,9%	1,6%	16,5%	12,5%	7,6	1,2
STB	HOSE	124.990	1.057.398	64.137	7,3%	2,5%	34,8%	0,2%	2,5%	9,2%	-	1,9
SHB	HOSE	56.910	993.512	79.200	2,2%	1,4%	81,7%	1,5%	19,0%	12,6%	4,2	0,8
LPB	HOSE	107.841	694.183	46.592	1,9%	1,4%	62,8%	2,0%	26,3%	11,9%	8,9	2,3
VIB	**HOSE**	**51.548**	**599.584**	**49.766**	**3,2%**	**2,8%**	**41,8%**	**1,4%**	**16,2%**	**11,4%**	**6,7**	**1,0**
TPB	HOSE	40.355	596.512	52.133	2,1%	2,6%	57,0%	1,6%	17,9%	18,9%	5,3	0,9
NAB	HOSE	27.309	462.765	28.161	1,6%	0,7%	66,9%	1,2%	19,8%	11,2%	5,6	1,1
MSB	HOSE	59.155	439.960	46.857	2,7%	1,7%	47,2%	1,5%	14,3%	12,5%	10,0	1,3
SSB	HOSE	52.205	429.376	43.249	2,3%	1,0%	71,0%	0,8%	7,8%	13,4%	17,3	1,2
OCB	HOSE	32.463	363.726	37.120	4,0%	1,7%	58,1%	1,3%	13,0%	12,3%	7,1	0,9
ABB	UPCoM	28.283	276.575	23.625	1,4%	1,7%	86,8%	1,8%	22,8%	11,4%	5,7	1,2
EIB	HOSE	29.990	241.495	26.632	2,6%	3,0%	41,4%	0,1%	0,7%	12,4%	-	1,1
NVB	HNX	40.945	238.221	25.166	4,9%	0,6%	25,5%	0,5%	6,3%	-	32,6	1,6
BAB	HNX	12.102	220.904	13.865	1,2%	0,7%	127,4%	0,6%	8,9%	10,1%	10,1	0,9
VBB	HOSE	15.044	212.947	13.451	2,3%	1,8%	62,4%	0,8%	12,9%	13,4%	9,2	1,1
VAB	HOSE	8.119	156.490	11.110	1,4%	0,1%	54,8%	1,0%	13,5%	9,4%	5,7	0,7
BVB	HOSE	9.805	145.222	8.142	2,9%	1,4%	46,3%	0,5%	9,4%	13,3%	9,4	0,9
KLB	HOSE	7.902	115.968	9.733	2,0%	1,1%	80,9%	1,9%	22,7%	14,4%	4,0	0,8
PGB	UPCoM	8.385	92.637	8.364	3,9%	2,2%	30,6%	0,8%	9,2%	10,6%	9,7	0,8
SGB	UPCoM	4.691	35.373	4.247	3,1%	8,2%	34,7%	-0,1%	-0,8%	15,6%	-	1,1
	Trung bình	**96.469**	**870.906**	**74.654**	**2,5%**	**1,9%**	**73,3%**	**1,2%**	**14,6%**	**12,5%**	**8,9**	**1,2**
	Trung vị	**51.548**	**462.765**	**46.592**	**2,2%**	**1,4%**	**62,4%**	**1,4%**	**16,2%**	**12,4%**	**7,5**	**1,2**

Nguồn: FiinPro-X, ACBS

LIÊN HỆ

Trụ sở chính
Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hoà, TP. HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000

Chi nhánh Hà Nội
Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9396

PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Email: research.gr@acbs.com.vn
trangdm@acbs.com.vn

KHỐI KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế
Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC
Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ

MUA : nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.
KHẢ QUAN : nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
TRUNG LẬP : nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.
KÉM KHẢ QUAN: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
BÁN : nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

KHUYẾN CÁO

Vui lòng nhấp vào đây để xem toàn văn Khuyến cáo, bao gồm: Xác nhận của chuyên viên phân tích, Công bố thông tin quan trọng, Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp liên kết phía trên không hoạt động, vui lòng truy cập trực tiếp tại:
https://acbs.com.vn/acbsmedia/2026/07/KhuyenCao_VI.pdf